

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ CHO CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÙNG VEN BIỂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

THE CURRENT STATE OF DOMESTIC WASTE MANAGEMENT AND MANAGEMENT SOLUTIONS FOR COMMUNITIES IN CU LAO DUNG COASTAL DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE

Lê Trần Thanh Liêm

Trường Đại học Cần Thơ; lttliem@ctu.edu.vn

Tóm tắt - Nghiên cứu được tiến hành nhằm phân tích hiện trạng quản lý rác thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cộng đồng dân cư tại địa bàn nghiên cứu. Từ đó, tiến hành đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với năng lực của cộng đồng. Phương pháp nghiên cứu thực địa, phỏng vấn cấu trúc và phỏng vấn sâu bán cấu trúc đã được sử dụng. Kết quả cho thấy, phần lớn rác thải không được thu gom và xử lý hợp vệ sinh (99,2%). Người dân phải tự xử lý rác thải tại nhà với nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, phương pháp đốt rác tại nông hộ và thải xuống sông là hai hình thức xử lý phổ biến nhất (64,4% và 30,6%). Nghiên cứu đề xuất 3 nhóm giải pháp quản lý rác thải phù hợp với năng lực của cộng đồng.

Từ khóa - quản lý rác thải, rác thải sinh hoạt, cộng đồng ven biển, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng

Abstract - The study's purpose is to analyse the actual situation of waste management at household and community levels in Cu lao Dung district, Soc Trang Province. The study also suggests some solutions which suit the capacity of local people. In the study, field research method, in-depth interview method and semi-structured interview method are applied. The results show that most of the waste is not collected and processed hygienically, accounting for 99.2%. People treat waste by themselves at home in different ways. Two common ways are garbage burning and disposing garbage to the rivers, accounting for 64.4% and 30.6% respectively. The study suggests 3 main ways of effective waste management which are appropriate to the community's capacity.

Key words - waste management, household waste, coastal community, Cu Lao Dung district, Soc Trang province

1. Đặt vấn đề

Cù Lao Dung là một trong những huyện giáp biển của tỉnh Sóc Trăng. Chế độ thủy văn trong năm có hai mùa rõ rệt, nước ngọt vào mùa mưa (tháng 5 – tháng 11) và nước nhiễm mặn vào mùa khô (tháng 12 – tháng 4 năm sau) (UBND Sóc Trăng, 2010). Việc sở hữu loại hình tài nguyên có giá trị đa dạng cao như rừng ngập mặn cùng với hệ thống sông ngòi kênh rạch tự nhiên dày đặc kết hợp mạng lưới kênh thủy lợi nội đồng đã mang đến cho địa phương nguồn lợi thủy sản phong phú. Tuy nhiên, tính đa dạng của các hệ sinh thái ven biển nói chung đang bị đe dọa bởi ô nhiễm môi trường mà một trong những nguyên nhân tác động là rác thải sinh hoạt không qua xử lý và thải trực tiếp vào môi trường hoặc không được xử lý đúng cách (Lê Xuân Tuấn và *ctv*, 2008). Tuy nhiên, vấn đề này có thể được giảm thiểu nếu những phương thức quản lý phù hợp với các cấp độ khác nhau như: hộ gia đình và cộng đồng dân cư được thực hiện. Việc nghiên cứu một trường hợp điển hình về các thông tin về rác thải sinh hoạt có thể cung cấp kiến thức và kinh nghiệm nghiên cứu cho các vùng ven biển tương tự ở Sóc Trăng nói riêng cũng như ở Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Từ những thực tiễn trên, đề tài nghiên cứu: “*Hiện trạng quản lý rác thải sinh hoạt và đề xuất giải pháp quản lý cho cộng đồng dân cư ven biển huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng*” đã được tiến hành nhằm mục đích xác định các thuộc tính của hoạt động phát thải rác sinh hoạt, nhận thức và thái độ của cộng đồng về quản lý hiệu quả rác thải sinh hoạt, đề tài sẽ đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp với đặc thù của khu vực nghiên cứu.

2. Giải quyết vấn đề

2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Thu thập thông tin thứ cấp

Các báo cáo về tỉnh Sóc Trăng, huyện Cù Lao Dung và các xã nghiên cứu được thu thập từ các Sở, phòng, ban của địa phương. Các tài liệu này đã được sử dụng như những tham số đối chiếu với những kết quả thu được từ nghiên cứu và đề xuất các chính sách.

Thu thập thông tin sơ cấp

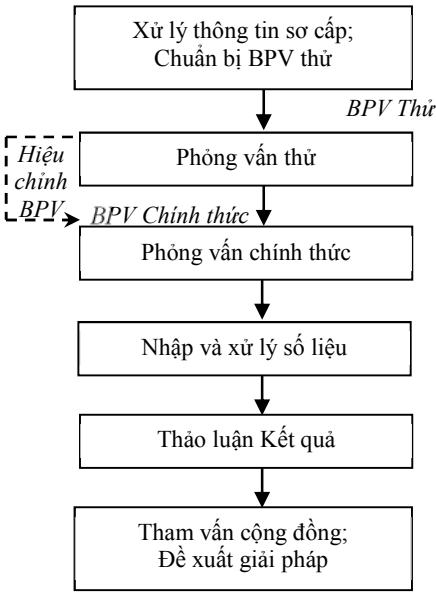
Lượng rác thải phát sinh: được thu tại hộ khảo sát trong 24 giờ và được cân bằng cân đồng hồ thông thường (phạm vi cân: 100g – 2 kg, phân độ chia nhỏ nhất là 10g) để xác định khối lượng.

Những thông tin cần thiết khác phục vụ cho nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn. Quá trình phỏng vấn được thiết kế và tiến hành bao gồm 3 bước:

Lần phỏng vấn không chính thức: Chọn ngẫu nhiên một số lượng mẫu nhỏ (10 mẫu) để tiến hành phỏng vấn. Kết quả thu được trong lần phỏng vấn này đã được sử dụng để hiệu chỉnh biểu phỏng vấn cho phù hợp hơn với tình hình thực tế tại khu vực khảo sát.

Lần phỏng vấn chính thức: Chọn ngẫu nhiên các hộ trong vùng khảo sát với số lượng hộ và điều kiện của hộ đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cuộc phỏng vấn.

Lần tham vấn cộng đồng: Chọn ngẫu nhiên 20 hộ trong nhóm đối tượng được khảo sát. Trình bày các kết quả nghiên cứu thu được và khuyến khích cộng đồng đưa ra các đề xuất, cũng như thảo luận các đề xuất được nhóm nghiên cứu đưa ra.

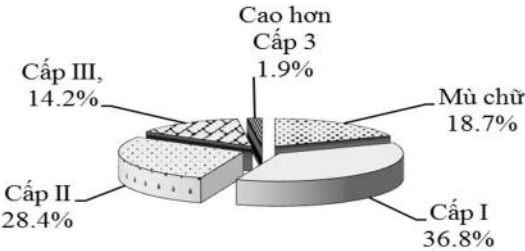


Hình 1. Quy trình tiến hành nghiên cứu.

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 155 hộ đại diện cho các nông hộ tại cộng đồng các ấp, xã được lựa chọn; Địa điểm nghiên cứu được phân bố trên khu vực của 9 ấp thuộc 2 xã ven biển (An Thạnh Nam chiếm 40%; An Thạnh 3 chiếm 60%) của huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đối tượng nghiên cứu: Tình hình phát sinh và quản lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình tại các xã ven biển huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đối tượng được khảo sát: Hộ dân sinh sống trong địa bàn nghiên cứu, không phân biệt nam/nữ, trình độ học vấn, thu nhập, sinh sống bằng các loại hình sinh kế khác nhau. Đáp viên tham gia vào nghiên cứu bắt buộc từ 20 tuổi trở lên. Quy trình tiến hành nghiên cứu được thực hiện như Hình 1.



Hình 2: Trình độ học vấn của hộ

2.2. Phương pháp phân tích số liệu

Các số liệu định lượng được nhập, mã hóa và xử lý bằng

3.4. Khái quát và hệ thống hóa các đề xuất của cộng đồng về quản lý rác thải sinh hoạt

Bảng 2. Các giải pháp về quản lý rác thải sinh hoạt.

Chi tiết	Hệ thống thu gom	Bãi rác	Phân loại rác	Phí thu gom, xử lý rác
Đề xuất				
Giải pháp về xây dựng hệ thống thu gom rác	Xe kéo tay, honda lôi đến từng hộ gia đình	Không chấp nhận xây dựng bãi rác trong cộng đồng	Không phân loại rác tại hộ gia đình	10.000 đồng/tháng/hộ

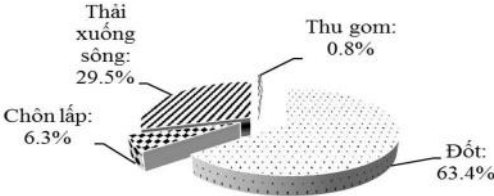
phần mềm SPSS. Số liệu được thống kê theo tần suất, kiểm định trung bình, phân tích phương sai một nhân tố, phân tích hồi quy tuyến tính.

3. Kết quả nghiên cứu và khảo sát

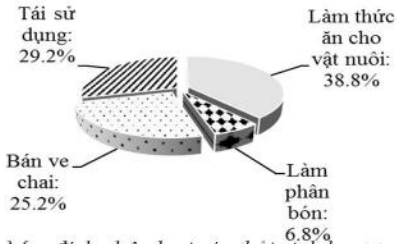
3.1. Thông tin chung về hộ tham gia khảo sát

3.2. Thực trạng quản lý rác thải tại cộng đồng

3.2.1. Hình thức quản lý/xử lý quy mô hộ gia đình



Hình 3. Các phương pháp xử lý rác của hộ



Hình 4. Mục đích phân loại rác thải sinh hoạt trong hộ

3.2.2. Quản lý rác thải cấp độ cộng đồng dân cư

Tỉ lệ hộ tham gia một trong các cuộc họp về việc phổ biến các quy định của pháp luật có liên quan đến rác thải trong cộng đồng: Có tham gia: 14%; Chưa từng tham gia: 86%.

Định kỳ tổ chức họp dân để phổ biến các quy định: 1 – 2 lần/năm.

Kết quả đánh giá mức độ thực trạng quản lý rác thải từ cộng đồng dân cư: Tốt: 7%; Trung bình: 35%; Chưa tốt: 58%.

3.3. Năng lực quản lý rác thải hộ gia đình

Bảng 1. Kết quả đánh giá năng lực quản lý rác thải hộ gia đình.

Xếp loại	Điểm xếp loại	Tỷ lệ (%)
Tốt	7 – 8	15
Khá	5 – 6	55
Trung bình	3 – 4	9
Yếu	0 – 2	21

Giải pháp về phân loại rác	Xe kéo tay, honda lôi đến từng hộ gia đình	Không chấp nhận xây dựng bãi rác trong cộng đồng	- Chấp nhận phân loại rác tại hộ gia đình. - Hộ dân được phép giữ lại phần sản phẩm phân loại rác có thể tái sử dụng hoặc sử dụng vào mục đích khác.	5.000 – 10.000 đồng/tháng/hộ
Giải pháp về quy hoạch tổng thể hệ thống thu gom và xử lý rác	- Xe kéo tay, honda lôi đến từng hộ gia đình; - Bố trí các điểm thu gom rác theo khu vực (<i>Điểm tập kết rác theo khu vực</i>)	- Thống nhất được nơi bố trí các điểm thu gom rác theo khu vực dân cư. - Chấp nhận bố trí bãi rác tập trung (chôn lấp rác lộ thiên) nhưng không thống nhất được vị trí xây dựng.	- Chấp nhận phân loại rác tại hộ gia đình. - Hộ dân được phép giữ lại phần sản phẩm phân loại rác có thể tái sử dụng hoặc sử dụng vào mục đích khác.	Sử dụng dịch vụ thu gom rác đến tận nhà: 5.000 – 10.000 đồng/tháng/hộ - Tự mang rác đến điểm tập kết rác theo khu vực: 3.000 – 5.000 đồng/tháng/hộ

4. Bàn luận

4.1. Phân tích chung về đặc điểm hộ tham gia nghiên cứu

Tuổi trung bình của đáp viên là 46,5 ± 13,7 tuổi, nữ chiếm 47,7%, tỷ lệ nữ trong độ tuổi lao động chiếm 38,7% và quá tuổi lao động chiếm 9%. Trong nghiên cứu, tỷ lệ nam và nữ tham gia gần như không có sự chênh lệch. Ở địa bàn nghiên cứu, nam giới thường là lao động chính trong gia đình, với các công việc hàng ngày như nuôi thủy sản, làm ruộng và đi làm thuê; trong khi đó, phụ nữ thường ở nhà, làm tiểu thủ công nghiệp hoặc kinh doanh/buôn bán nhỏ.

Tỷ lệ người mù chữ (không biết đọc, biết viết) tương đối cao so với trình độ cấp 3 (trung học phổ thông) hoặc trên cấp 3. Đối tượng này phổ biến chủ yếu trong nhóm quá tuổi lao động (Hình 2)

Hộ người dân tộc tham gia vào cuộc khảo sát chiếm 15.5%; trong đó, người Khmer chiếm 14.2% và người Hoa chiếm 1.3%. Tất cả đều sử dụng thông thạo tiếng Việt trong giao tiếp.

Đặc điểm giới, sinh kế và dân tộc của các đáp viên tham gia vào nghiên cứu mang tính chất đại diện cho khu vực và cộng đồng nghiên cứu. Việc đa dạng hóa đối tượng trong nghiên cứu này cũng sẽ thu về các nhóm ý kiến đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý đa dạng, mang giá trị chọn lựa và có tính tham khảo cao trong việc triển khai thực hiện các nhóm giải pháp nhằm đạt được sự đồng thuận trong cộng đồng.

4.2. Phân tích thực trạng quản lý rác thải tại cộng đồng

4.2.1. Lượng rác phát sinh – Hình thức quản lý/xử lý quy mô hộ gia đình

Tổng lượng rác thải phát sinh trung bình trong các hộ khảo sát là 1,2 ± 0,8 kg/hộ/ngày. Trong đó, khoảng 2/3 lượng rác thải là rác hữu cơ (0,8 ± 0,6 kg) và rác vô cơ chiếm 1/3 khối lượng còn lại (0,5 ± 0,4 kg). Tổng lượng rác phát sinh hàng ngày của 155 hộ tương ứng với 707 nhân khẩu là 192 kg/ngày. Lượng rác này tương đối lớn nhưng hầu như không được công ty/tổ chức thu gom và xử lý hợp vệ sinh (99,2%). Thay vào đó, người dân phải tự xử lý rác thải tại nhà với nhiều hình thức như: thải rác xuống sông, chôn lấp rác trong khu vực đất trống xung quanh nhà/trong vườn hoặc đốt rác. Trong đó, xử lý rác bằng phương pháp

đốt rác tại đất trống xung quanh hộ gia đình là hình thức phổ biến nhất trong cộng đồng (63,4%) và hình thức chôn lấp rác tại đất của nông hộ có giá trị chọn lựa thấp nhất trong các phương thức tự xử lý rác thải (6,3%) (Hình 3). Theo Lê Anh Tuấn và Nguyễn Văn Bé (2008), rác thải không được xử lý khi phát tán vào môi trường sẽ gây mất mỹ quan, ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí. Trong các hộ chôn lấp rác ở hộ gia đình nông thôn (lộ thiên ở giai đoạn đầu), quá trình phân hủy rác sẽ gây ra mùi hôi thối, ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống như: 1. Hồ chứa rác là môi trường sống lý tưởng cho chuột, bọ, các loài côn trùng và vi khuẩn gây bệnh truyền nhiễm phát triển; 2. Việc thải rác xuống sông sẽ gây ô nhiễm môi trường nước; 3. Đốt rác có ô nhiễm môi trường không khí (trực tiếp do khói thải và khi đốt nhựa tổng hợp không đủ nhiệt độ cần thiết sẽ phát sinh ra các khí độc, trong đó có Dioxin) và môi trường đất, nước ngầm (phế phẩm còn lại sau quá trình đốt chứa các chất độc hại theo nước mưa sẽ ngấm xuống đất và mạch nước ngầm). Tuy nhiên, với năng lực quản lý rác thải hiện tại, các hộ dân trong khu vực bắt buộc phải chọn một hoặc kết hợp nhiều phương pháp như trên.

Kết quả nghiên cứu ghi nhận, đa phần các hộ gia đình tham gia nghiên cứu không tiến hành phân loại rác (62,6%) mà áp dụng phương pháp thải bỏ với nhiều hình thức xử lý như đã đề cập. Bên cạnh đó, có 37,4% hộ được khảo sát tiến hành phân loại rác thải với các mức độ phân loại nhất định và mục đích khác nhau (Hình 4).

Nghiên cứu cũng ghi nhận rằng, có một bộ phận nông hộ trong nghiên cứu tiến hành phân loại rác. Tuy nhiên, mức độ phân loại rác chưa triệt để, chưa phân thành các loại rác đúng theo tính chất. Kết quả phân loại vẫn còn trộn lẫn rác vô cơ, hữu cơ và thủy tinh vào nhau. Do mục đích phân loại khác nhau nên cách thức phân loại cũng vì thế mà khác đi. Nhóm hộ phân loại theo các mục đích: làm thức ăn cho vật nuôi – thải bỏ, làm phân bón – thải bỏ quan tâm đến sản phẩm phân loại là rác thải hữu cơ để sử dụng. Mặt khác, nhóm phân theo mục đích tái sử dụng – thải bỏ, bán ve chai – thải bỏ thông thường quan tâm đến rác vô cơ và thủy tinh. Tuy nhiên, thực tế người dân sẽ kết hợp nhiều cách phân loại khác nhau để đạt được nhiều mục đích, tùy thuộc vào khả năng thực tế của hộ.

4.2.2. Thực trạng quản lý rác thải cấp độ cộng đồng dân cư

Theo Nguyễn Thị Kim Nhung (2014), những yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của người dân trong hoạt động quản lý rác thải đảm bảo phát triển bền vững đô thị bao gồm: 1. Những yếu tố thuộc về người dân (nhu cầu – tâm lý, nhận thức, đặc điểm xã hội); 2. Sự tham gia của các bên liên quan (nhóm công nhân vệ sinh môi trường, nhóm tự quản ở cơ sở, đoàn thể xã hội, nhóm người thu mua phế liệu, chính quyền); 3. Những yếu tố xã hội (các chính sách, các yếu tố văn hóa – xã hội, truyền thông). Dựa trên những tiêu chí này và tổng hợp phân tích các tài liệu nghiên cứu có liên quan, nghiên cứu đưa ra nhận định rằng, yếu tố quản lý ở cấp độ cộng đồng dân cư là một trong những nhân tố quan trọng nhất trong việc quản lý hiệu quả rác thải sinh hoạt tại địa bàn nghiên cứu. Trong đó, phải thực hiện đồng bộ biện pháp hành động (thực thi chính sách, đề ra các kế hoạch và thực hiện) kết hợp công cụ tuyên truyền – giáo dục. Nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin có liên quan đến việc phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý rác thải từ chính quyền và đánh giá của hộ dân về việc thực hiện các biện pháp quản lý. Kết quả cho thấy, việc phổ biến các quy định được thực hiện thông qua các hoạt động tổ chức họp dân dưới nhiều cấp độ và quy mô như: tổ, ấp, xã. Bên cạnh đó, việc quản lý rác thải có sự tham gia là việc làm cần thiết và ngày càng thu hút được sự quan tâm của các nhà quản lý. Trên cơ sở hiện trạng về trình độ nhận thức và thói quen xử lý rác của cộng đồng, chính quyền sẽ đề xuất các biện pháp quản lý – xử lý rác với các cấp độ (cộng đồng, khu dân cư, hộ gia đình) sao cho phù hợp với quy định và đảm bảo vệ sinh môi trường. Để thực hiện được mục tiêu này, chính quyền tổ chức lấy ý kiến chính thức của người dân thông qua các cuộc họp dân hoặc không chính thức thông qua buổi điều tra, khảo sát, phỏng vấn tại hộ gia đình. Câu hỏi điều tra được mở rộng, định hướng cho các hộ gia đình về tất cả các vấn đề có liên quan đến vệ sinh môi trường nói chung. Tỷ lệ hộ gia đình được chính quyền xin ý kiến về nhóm vấn đề vệ sinh môi trường chiếm tỷ lệ thấp (12%) so với số hộ chưa từng được xin ý kiến (88%).

Theo Trương Hoàng Đan (2010), hoạt động cộng đồng tham gia đánh giá các vấn đề trong quản lý kinh tế - xã hội ở vùng nông thôn là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp chính quyền thu về những thông tin phản hồi chuẩn xác. Từ đó, cải thiện các nội dung, chương trình hành động cụ thể, để phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn trong quản lý và hài hòa với nhu cầu của người dân. Kết quả nghiên cứu thể hiện rằng, có 58% hộ gia đình đánh giá hiện trạng quản lý rác thải tại địa phương là chưa tốt, 35% đánh giá ở mức trung bình và có 7% đánh giá tốt.

Các kết quả đánh giá của cộng đồng trong nghiên cứu này là một trong những nội dung quan trọng để nắm bắt, nghiên cứu tâm lý và phân tích cảm nhận của cộng đồng về vấn đề nghiên cứu. Trong thực tế, hệ thống thu gom rác thải sinh hoạt chỉ tập trung ở các tuyến đường chính, nơi tập trung đông dân cư như: chợ và các khu dân cư. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu đã cho thấy lượng rác phát thải tại các hộ gia đình không có sự khác biệt có ý nghĩa. Kết quả cũng đồng thời chứng minh rằng, nhu cầu và lượng rác phát thải trong một ngày tại các hộ gia đình không phụ

thuộc vào khu vực phân bố dân cư. Vì vậy, việc chỉ tập trung thu gom rác tại một số địa điểm cụ thể đã giải thích cho kết quả đa số các hộ tham gia nghiên cứu đã không đánh giá cao năng lực quản lý rác thải của chính quyền. Nguyên nhân được giải thích bởi nhu cầu cần được thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh của họ đã không được giải quyết. Song song đó, việc không thể hiện được ý kiến của mình đối với chính quyền địa phương trong các buổi họp dân để phổ biến các quy định về quản lý rác thải và các vấn đề liên quan cũng đã ảnh hưởng đến kết quả đánh giá của nông hộ.

4.3. Năng lực quản lý rác thải hộ gia đình

Trong nghiên cứu này, dựa vào đặc điểm của cộng đồng, năng lực quản lý rác thải của các hộ gia đình được đánh giá bằng phương pháp cho điểm dựa vào 4 tiêu chí sau: 1. Sở hữu vật liệu chứa rác (Có: 1 điểm, Không: 0 điểm), 2. Vật liệu chứa rác (Túi nylon, bao tải: 1 điểm; Thùng giấy, thùng xốp, sọt tre: 2 điểm; Thùng nhựa, thùng bê: 3 điểm), 3. Tình trạng phân loại rác (Có: 1 điểm, Không: 0 điểm) và 4. Phương pháp xử lý rác (Thải xuống sông: 1 điểm, đốt: 2 điểm, chôn lấp: 3 điểm, được thu gom: 4 điểm). Điểm xếp loại năng lực là tổng điểm của 4 tiêu chí đánh giá. Kết quả đánh giá được thể hiện qua Bảng 1. Việc đánh giá đa chiều, sử dụng nhiều tiêu chí và không áp dụng trọng số trong đánh giá năng lực quản lý rác thải sinh hoạt của hộ gia đình đã được sử dụng.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, số hộ được xếp loại Khá chiếm tỷ lệ cao nhất (55%). Trong khi đó, số hộ có năng lực quản lý rác thải xếp loại Yếu chiếm 21%, Tốt chiếm 15%. Tỷ lệ hộ được đánh giá có năng lực trung bình có tỷ lệ thấp nhất trong nghiên cứu (9%). Mặc dù, tỷ lệ các hộ xếp loại yếu và trung bình chỉ chiếm 30% nhưng điều này không thể phủ định nguy cơ tiềm ẩn về việc phát sinh và bùng phát ô nhiễm. Bởi vì, chỉ cần có túi nylon để chứa rác và sau đó mang đốt hoặc thải bỏ tất cả (vật liệu chứa và rác) xuống sông thì hộ sẽ nhận được 3 điểm và xếp loại trung bình. Hoặc hộ có phân loại rác, chứa rác bằng thùng nhựa sau đó đốt/thải xuống sông các sản phẩm không mong muốn sau phân loại thì sẽ được 5 điểm và được xếp loại khá.

Như vậy, có thể thấy rằng cách đánh giá hiện tại, mặc dù đã áp dụng phương pháp đánh giá đa chiều nhưng không áp dụng trọng số, đã chưa thể hiện chính xác năng lực quản lý rác thải của hộ. Trong các nghiên cứu tiếp theo về vấn đề này, cần phân tích để áp dụng trọng số phù hợp cho các chỉ tiêu mong đợi nhằm đánh giá chính xác hơn năng lực quản lý rác thải của hộ.

4.4. Khái quát và hệ thống hóa các đề xuất của cộng đồng về quản lý rác thải sinh hoạt

Từ thực tế tình hình quản lý rác thải tại cộng đồng và hộ gia đình, nghiên cứu tiến hành thu thập, tổng hợp và hệ thống hóa các đề xuất giải pháp quản lý rác thải sinh hoạt hiệu quả từ cộng đồng. Các giải pháp được thiết kế tập trung thành 4 tiêu chí: Hệ thống thu gom, quy hoạch bãi rác, phân loại rác, phí thu gom/xử lý rác. Kết quả chi tiết được thể hiện qua Bảng 2.

Các giải pháp đề xuất thể sự quan tâm của cộng đồng đối với các khía cạnh khác nhau trong thực trạng quá trình quản lý rác và mong muốn của họ đối với việc khắc phục các vấn

đề tồn tại. Kết quả nghiên cứu ghi nhận được sự chấp thuận của cộng đồng trong việc phân loại rác. Trong khi đó, họ được sử dụng dịch vụ với mức chi trả thấp hơn. Tuy nhiên, việc lựa chọn các giải pháp thực thi lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như các nguồn lực của cộng đồng, việc tính toán các chi phí – lợi ích của từng giải pháp. Để đáp ứng các mục tiêu phát triển dài hạn và bảo vệ môi trường, giải pháp về quy hoạch tổng thể hệ thống thu gom và xử lý rác có giá trị chọn lựa cao nhất. Bên cạnh những chi tiết đã đạt được sự đồng thuận của cộng đồng về các khía cạnh khảo sát thì vị trí xây dựng bãi rác tập trung cần được tiếp tục thảo luận giữa các bên có liên quan. Để triển khai hiệu quả các giải pháp quản lý, chính quyền địa phương cần kết hợp phát huy các nguồn lực của cộng đồng. Bên cạnh đó, cần tìm kiếm các nguồn tài trợ bên ngoài cộng đồng như: các dự án phát triển, chương trình nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực và vận dụng kinh phí ngân sách của địa phương cũng như trung ương trong các chương trình vệ sinh môi trường và chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

5. Kết luận

Tình hình quản lý rác thải sinh hoạt đang là vấn đề cấp thiết, cần phải tập trung ưu tiên giải quyết vì hầu như rác thải không được thu gom và xử lý hợp vệ sinh. Người dân phải tự xử lý rác thải tại nhà với nhiều hình thức khác nhau. Trong đó, phương pháp đốt rác tại đất của nông hộ và thải

xuống sông mặc dù tiềm ẩn nguy cơ phát sinh và lan truyền ô nhiễm nhưng lại là hai hình thức xử lý phổ biến nhất trong cộng đồng.

Bài báo đã khái quát và hệ thống được 3 nhóm đề xuất về quản lý rác thải từ cộng đồng bao gồm: (1) Giải pháp về xây dựng hệ thống thu gom rác; (2) Giải pháp về phân loại rác; (3) Giải pháp về quy hoạch tổng thể hệ thống thu gom và xử lý rác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Xuân Tuấn, Phan Nguyên Hồng và Trương Quang Học, 2008. Những vấn đề môi trường ven biển và phục hồi rừng ngập mặn ở Việt Nam. *Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba*. ĐHQG Hà Nội. Tháng 12/2008.
- [2] Lê Anh Tuấn và Nguyễn Văn Bé, 2008. Các vấn đề về môi trường nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. *Hội thảo: Các vấn đề môi trường và phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long*. Đại học Cần Thơ 02/5/2008.
- [3] Nguyễn Thị Kim Phụng, 2014. Sự tham gia của người dân trong hoạt động quản lý rác thải đảm bảo phát triển bền vững đô thị (nghiên cứu trường hợp tại quận Hoàn Kiếm và huyện Ứng Hòa, Hà Nội). Luận án Tiến sĩ Xã hội học. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hà Nội.
- [4] Trương Hoàng Đan, 2010. Giáo trình: Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn. NXB Đại học Cần Thơ. Thành phố Cần Thơ.
- [5] UBND Sóc Trăng, 2010. Báo cáo: “Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển Sóc Trăng thời kỳ đến năm 2020”. Sóc Trăng.

(BBT nhận bài: 19/10/2016, hoàn tất thủ tục phản biện: 09/02/2017)